

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG  
TRUNG TÂM Y TẾ  
THÀNH PHỐ THUẬN AN

Số: 1110 /TB-TTYT  
V/v Thông báo mời chào giá về việc  
“Ký hợp đồng mua sắm vật tư sửa  
chữa điện - nước năm 2025”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận An, ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Kính gửi: Các Công ty/Đơn vị cung cấp dịch vụ

Căn cứ Tờ trình số: 194 /TTr-TCHC, ngày 10 tháng 06 năm 2025 của Phòng Tổ Chức Hành Chính về việc đề ký hợp đồng mua sắm vật tư sửa chữa điện – nước năm 2025;

Căn cứ BBHĐMS số 107/BH-HĐMS-TTYT ngày 26.6.2025 của Hội đồng mua sắm về việc thông qua các gói mua sắm ngày 25/6/2025

Trung tâm Y tế Thành phố Thuận An đang có nhu cầu ký hợp đồng cung cấp hàng hóa sửa chữa điện – nước phục vụ bệnh nhân.

Kính mời các Công ty/Đơn vị có đầy đủ chức năng, năng lực, thực hiện tham gia chào giá với nội dung cụ thể như sau:

| STT | Tên thiết bị       | Quy cách (nếu có) | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------|-----|----------|---------|
| 1   | (Phụ lục kèm theo) |                   |     |          |         |

Hồ sơ kèm theo: Hồ sơ năng lực, Giấy phép kinh doanh

Thời gian nhận báo giá: 03 ngày kể từ ngày ra thông báo.

Bảng báo giá vui lòng gửi về: Phòng Tổ Chức Hành Chính - Trung tâm Y tế Thành phố Thuận An.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Tiết, KP. Đông tư, Phường lái Thiêu, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Số điện thoại liên hệ: 0909.977.501 (CN. Lê Thanh Hải)

Thông báo này được đăng tải trên Website chính thức của Trung tâm Y tế Thành phố Thuận An; Website: <http://trungtamytetthuanan.com.vn>

Trung tâm Y tế Thành phố Thuận An rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Công ty/Đơn vị.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Dán thông báo chung;
- Website TTYT;
- Phòng KHNV (Hỗ trợ đăng tải);
- Lưu: VT; TCHC.



**GIÁM ĐỐC**

*Trần Tuấn Huy Cường*





(Phụ lục kèm theo thông báo chào giá số: 1210/TB-TTYT, ngày 30 tháng 6 năm 2025)

|    | TÊN HÀNG HOÁ             | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|----|--------------------------|------|----------------------|---------|
| 1  | Bạc đạn máy bơm nước     | Cái  |                      |         |
| 2  | Bàn cầu 2 khối           | Bộ   |                      |         |
| 3  | Bản lề cửa nhôm          | Cặp  |                      |         |
| 4  | Băng keo 2 mặt 2 phân    | cuộn |                      |         |
| 5  | Băng keo 2 mặt 3 phân    | cuộn |                      |         |
| 6  | Băng keo 2 mặt TH        | Cuộn |                      |         |
| 7  | Băng keo 20 yard màu đen | cuộn |                      |         |
| 8  | Băng keo chống thấm      | Cuộn |                      |         |
| 9  | Băng keo đen             | cuộn |                      |         |
| 10 | Băng keo giấy            | cuộn |                      |         |
| 11 | Bánh xe lửa cửa sổ       | Cái  |                      |         |
| 12 | Bay hồ                   | Cái  |                      |         |
| 13 | Bít RN 21                | Cái  |                      |         |
| 14 | BÍT RT 34                | Cái  |                      |         |
| 15 | Bít RT 37                | Cái  |                      |         |
| 16 | BM - Co 21 mm            | Cái  |                      |         |
| 17 | BM - Co 27 mm            | Cái  |                      |         |
| 18 | BM - Co 34mm             | Cái  |                      |         |
| 19 | BM - Co 42mm             | Cái  |                      |         |
| 20 | BM - Co 60 mm            | Cái  |                      |         |
| 21 | BM - Co 90 mm            | Cái  |                      |         |
| 22 | BM - Lõi 90 mm           | Cái  |                      |         |
| 23 | BM - Nồi 21 mm           | Cái  |                      |         |
| 24 | BM - Nồi 27 mm           | Cái  |                      |         |
| 25 | BM - Nồi 34 mm           | Cái  |                      |         |
| 26 | BM - Nồi 42 mm           | Cái  |                      |         |
| 27 | BM - Nồi 90 mm           | Cái  |                      |         |
| 28 | BM - Nồi giảm 27/21 mm   | Cái  |                      |         |



| STT | TÊN HÀNG HOÁ                   | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------|------|----------------------|---------|
| 29  | BM - Nối giảm 42/27 mm         | Cái  |                      |         |
| 30  | BM - Nối giảm 42/34 mm         | Cái  |                      |         |
| 31  | BM - Nối răng ngoài 21 mm      | Cái  |                      |         |
| 32  | BM - Nối răng ngoài 27 mm      | Cái  |                      |         |
| 33  | BM - Nối răng ngoài 34mm       | Cái  |                      |         |
| 34  | BM - Nối răng ngoài 42 mm      | Cái  |                      |         |
| 35  | BM - Nối răng trong 21 mm      | Cái  |                      |         |
| 36  | BM - Nối răng trong 27 mm      | Cái  |                      |         |
| 37  | BM - Nối RN 21                 | Cái  |                      |         |
| 38  | BM - Nối RN 21 ống 27 mm       | Cái  |                      |         |
| 39  | BM - Nối RT 21x25              | Cái  |                      |         |
| 40  | BM - Ống 25 PPR                | M    |                      |         |
| 41  | BM - Ống 34 1.9mm              | Cây  |                      |         |
| 42  | BM - Ống 42 1.9mm              | Cây  |                      |         |
| 43  | BM - T 21 mm                   | Cái  |                      |         |
| 44  | BM - T 27 mm                   | Cái  |                      |         |
| 45  | BM - T 27 mm                   | Cái  |                      |         |
| 46  | BM - T 34 mm                   | Cái  |                      |         |
| 47  | BM - T 42 mm                   | Cái  |                      |         |
| 48  | BM - T 90 mm                   | Cái  |                      |         |
| 49  | BM - Van 21 mm                 | Cái  |                      |         |
| 50  | BM - Van 27 mm                 | Cái  |                      |         |
| 51  | BM - Van 34 mm                 | Cái  |                      |         |
| 52  | BM - Van 42 mm                 | Cái  |                      |         |
| 53  | BM Keo dán 500g                | Lon  |                      |         |
| 54  | BM Keo dán ống 100gr           | Tuýp |                      |         |
| 55  | BM Ống PPR 32x2.9mm            | m    |                      |         |
| 56  | BM PPR Việt Nam T 32           | Cái  |                      |         |
| 57  | Bộ lọc nước Karofi Slim S-S038 | Bộ   |                      |         |
| 58  | Bộ lõi lọc Kawashi             | Bộ   |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                        | ĐVT | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------|-----|----------------------|---------|
| 59  | Bộ tay nắm cửa sắt                  | Bộ  |                      |         |
| 60  | Bộ tay nắm cửa TOP                  | Bộ  |                      |         |
| 61  | Bộ tay nắm cửa tròn                 | Bộ  |                      |         |
| 62  | Bộ xả bồn cầu hai nút nhấn          | Bộ  |                      |         |
| 63  | Bộ xả vòi tiểu nam                  | Bộ  |                      |         |
| 64  | Bồn lavabo inox                     | Cái |                      |         |
| 65  | Bồn lavabo sứ                       | Cái |                      |         |
| 66  | Bóng Tube Led T8 1.2m 22W           | Cái |                      |         |
| 67  | Bóng 6 tắc                          | Cái |                      |         |
| 68  | Bóng 6 tắc thuỷ tinh                | Cái |                      |         |
| 69  | Bóng bulb trụ LED 12w               | Cái |                      |         |
| 70  | Bóng bulb trụ LED E27 120 40W trắng | Cái |                      |         |
| 71  | Bóng bulb trụ LED Nano 12w          | Cái |                      |         |
| 72  | Bóng bulb trụ LED Nano 20w          | Cái |                      |         |
| 73  | Bóng bulb trụ LED Nano 30w          | Cái |                      |         |
| 74  | Bóng bulb trụ LED Nano 40w          | Cái |                      |         |
| 75  | Bóng bulb trụ LED Nano 50w          | Cái |                      |         |
| 76  | Bóng bulb trụ LED Nano 60w          | Cái |                      |         |
| 77  | Bóng bulb trụ LED Nano 90w          | Cái |                      |         |
| 78  | Bóng đèn huỳnh quang T8 1m2         | Cái |                      |         |
| 79  | Bóng LED nhôm nhựa 6 tắc            | Cái |                      |         |
| 80  | Bóng LED T8 600/10W                 | Cái |                      |         |
| 81  | Bóng Led T8 1.2m 20W                | Cái |                      |         |
| 82  | Bóng Led thuỷ tinh bọc nhựa 0.6m    | Cái |                      |         |
| 83  | Bóng thuỷ tinh 0m6                  | Cái |                      |         |
| 84  | Bóng tube t8 LED 1.2m 36w trắng     | Cái |                      |         |
| 85  | Bóng tube t8 LED 1.2m 42w trắng     | Cái |                      |         |
| 86  | Búa 1kg                             | Cây |                      |         |
| 87  | Búa 500g                            | Cây |                      |         |
| 88  | Búa Total                           | Cây |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------------|------|----------------------|---------|
| 89  | Bút thử điện Total          | Cây  |                      |         |
| 90  | Cần gạt cầu inox            | Cái  |                      |         |
| 91  | Cánh quạt B4                | Cái  |                      |         |
| 92  | Cáp bọc 2x2.5 TCL           | M    |                      |         |
| 93  | Cáp khoá                    | Sợi  |                      |         |
| 94  | Cặp Pat cửa nhôm            | Cặp  |                      |         |
| 95  | CB 2 cực 20A                | Cái  |                      |         |
| 96  | CB 2 cực 32A                | Cái  |                      |         |
| 97  | CB 2 cực 40A                | Cái  |                      |         |
| 98  | CB 2 cực 63A                | Cái  |                      |         |
| 99  | CB 200A                     | Cái  |                      |         |
| 100 | CB 3 cực 50A                | Cái  |                      |         |
| 101 | CB 3P 63A                   | Cái  |                      |         |
| 102 | CB cóc 30A                  | Cái  |                      |         |
| 103 | CB cóc 40A                  | Cái  |                      |         |
| 104 | CB cóc đen 20A              | Cái  |                      |         |
| 105 | CB cóc đen 30A              | Cái  |                      |         |
| 106 | CB cóc đen 40A              | Cái  |                      |         |
| 107 | Chai xịt tẩy rửa đa năng    | Chai |                      |         |
| 108 | Chìa khoá ổ                 | Cái  |                      |         |
| 109 | Chống ròt pha LS            | Bộ   |                      |         |
| 110 | Chốt khoá Inox 1T           | Cái  |                      |         |
| 111 | Co PVC-U dn 60 PN6 (BM)     | Cái  |                      |         |
| 112 | Co 21 mm - Dày              | Cái  |                      |         |
| 113 | Co 25 PPR-BM                | Cái  |                      |         |
| 114 | Cọ lăn                      | Cây  |                      |         |
| 115 | Co PVC-U dn 60 PN6 (BM)     | Cái  |                      |         |
| 116 | Co PVC-U dn 90 (I) PN6 (BM) | Cái  |                      |         |
| 117 | Co RN 25x1/2 PPR            | Cái  |                      |         |
| 118 | Co RN thau                  | Cái  |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                     | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------|------|----------------------|---------|
| 119 | Co RT 25/21 PPR-BM               | Cái  |                      |         |
| 120 | Cọ son                           | Cây  |                      |         |
| 121 | Cóc siết cáp 150                 | Cái  |                      |         |
| 122 | Công cắt đục                     | công |                      |         |
| 123 | Công lắp đặt máy lọc nước        | công |                      |         |
| 124 | Công leo trụ                     | Công |                      |         |
| 125 | Công tắc hành trình              | Cái  |                      |         |
| 126 | Công tắc treo                    | Cái  |                      |         |
| 127 | Củ sen lạnh L702                 | Cái  |                      |         |
| 128 | Củ sen lạnh L702                 | Cái  |                      |         |
| 129 | Cùm treo 90 mm                   | Cái  |                      |         |
| 130 | Dao rọc giấy                     | Cái  |                      |         |
| 131 | Dau bake ngan kingtony           | Cái  |                      |         |
| 132 | Đầu bắn tole 8x45mm (071120-8mm) | Cái  |                      |         |
| 133 | Đầu cos                          | Cái  |                      |         |
| 134 | Dầu nhớt sữa chữa                | Chai |                      |         |
| 135 | Đầu nối cos                      | Cái  |                      |         |
| 136 | Dây bố 1.5m                      | Sợi  |                      |         |
| 137 | Dây cáp đồng đơn 150mm           | M    |                      |         |
| 138 | Dây cáp inox 10 tactic           | Sợi  |                      |         |
| 139 | Dây cáp inox 4 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 140 | Dây cáp inox 6 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 141 | Dây cáp nhựa 10m                 | Sợi  |                      |         |
| 142 | Dây cáp nhựa 1m                  | Sợi  |                      |         |
| 143 | Dây cáp nhựa 4 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 144 | Dây cáp nhựa 5 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 145 | Dây cáp nhựa 6 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 146 | Dây điện 1.5 (đôi)               | M    |                      |         |
| 147 | Dây điện 1.5 (đơn)               | M    |                      |         |
| 148 | Dây điện 2.5 (đôi)               | M    |                      |         |



| STT | TÊN HÀNG HOÁ                           | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------|------|----------------------|---------|
| 149 | Dây điện 2.5 (đơn)                     | M    |                      |         |
| 150 | Dây điện 3 (đôi)                       | M    |                      |         |
| 151 | Dây điện 3 (đơn)                       | M    |                      |         |
| 152 | Dây điện 6                             | M    |                      |         |
| 153 | Dây điện 8                             | M    |                      |         |
| 154 | Dây micro                              | Cái  |                      |         |
| 155 | Dây rút 1,5 tắc trắng                  | Bịch |                      |         |
| 156 | Dây rút 2 tắc                          | Bịch |                      |         |
| 157 | Dây rút 2,5 tắc trắng                  | Bịch |                      |         |
| 158 | Dây rút 3 tắc                          | Bịch |                      |         |
| 159 | Dây rút 3 tắc trắng                    | Bịch |                      |         |
| 160 | Dây thông tắc cống                     | Sợi  |                      |         |
| 161 | Dây thun buộc ống                      | Sợi  |                      |         |
| 162 | Đế đỡ micro                            | Cái  |                      |         |
| 163 | Đế nổi cao Sino                        | Cái  |                      |         |
| 164 | Đèn LED âm trần vuông 12w              | Cái  |                      |         |
| 165 | Đinh                                   | Gram |                      |         |
| 166 | Đinh chỉ                               | Gram |                      |         |
| 167 | Đinh rive                              | Gram |                      |         |
| 168 | Đinh thép trắng 3P                     | Hộp  |                      |         |
| 169 | Đinh thép vàng                         | Cái  |                      |         |
| 170 | Đinh thép vàng 1p6+2p3                 | Gram |                      |         |
| 171 | Đồng hồ Ampe kìm                       | Cái  |                      |         |
| 172 | Đồng hồ điện tử Cinomax mặt số điện tử | Cái  |                      |         |
| 173 | Đồng hồ nước RN 21                     | Cái  |                      |         |
| 174 | Đóng sơm nắp mô tơ                     | Cái  |                      |         |
| 175 | Đuôi Xoáy                              | Cái  |                      |         |
| 176 | Eke 3T                                 | Cặp  |                      |         |
| 177 | Eke 4T thường                          | Cặp  |                      |         |
| 178 | Eke 5T thường                          | Cặp  |                      |         |



| STT | TÊN HÀNG HOÁ                     | ĐVT    | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------|--------|----------------------|---------|
| 179 | Gương soi                        | Cái    | 450*600 mm           |         |
| 180 | Gương soi                        | Cái    | 500*700 mm           |         |
| 181 | Hạt công tắc 1 chiều             | Cái    |                      |         |
| 182 | Hạt công tắc 2 chiều             | Cái    |                      |         |
| 183 | Hạt dimmer quạt                  | Cái    |                      |         |
| 184 | Hộp CB 2 Tép                     | Cái    |                      |         |
| 185 | Hộp vít L bắn tắc kê 8           | Hộp    |                      |         |
| 186 | Jack amply                       | Cái    |                      |         |
| 187 | Jack cắm đực,cái                 | Cặp    |                      |         |
| 188 | Kapa máy bơm nước                | Cái    |                      |         |
| 189 | Ke vuông góc                     | Cái    |                      |         |
| 190 | Kẽm nhĩn                         | Khoanh |                      |         |
| 191 | Keo 2 mặt                        | Cuòn   |                      |         |
| 192 | Keo 502                          | Chai   |                      |         |
| 193 | Kéo cắt cành                     | Cái    |                      |         |
| 194 | Keo chà ron                      | Bịch   |                      |         |
| 195 | Keo chống thấm                   | kg     |                      |         |
| 196 | Keo lụa                          | Cuòn   |                      |         |
| 197 | Keo silicon                      | Chai   |                      |         |
| 198 | Kẹp 20 Tiến phát                 | Cái    |                      |         |
| 199 | Kẹp 25 Tiến phát                 | Cái    |                      |         |
| 200 | Kẹp móc 21                       | Bịch   |                      |         |
| 201 | Kẹp móc 27                       | Bịch   |                      |         |
| 202 | Kẹp ống 27                       | Cái    |                      |         |
| 203 | Két nước Viglacera TNVL66        | Cái    |                      |         |
| 204 | Khoá lồng nhôm quạt              | Cái    |                      |         |
| 205 | Khoá tròn                        | Cái    |                      |         |
| 206 | Khoá tròn Zami                   | Cái    |                      |         |
| 207 | Khuếch đại chuông điện thoại bàn | Cái    |                      |         |
| 208 | Kiểm bấm Rive                    | Cái    |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ           | ĐVT | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|------------------------|-----|----------------------|---------|
| 209 | Kiểm cắt ống TOTAL     | Cây |                      |         |
| 210 | Kiểm nhọn Total        | Cây |                      |         |
| 211 | Kiểm Răng Total        | Cây |                      |         |
| 212 | Kìm bằng               | Cây |                      |         |
| 213 | Kìm cắt ống            | Cây |                      |         |
| 214 | Kìm cắt Total          | Cây |                      |         |
| 215 | Kìm mở quạ             | Cây |                      |         |
| 216 | Lavabo inox            | Bộ  |                      |         |
| 217 | Lavabo sứ              | Bộ  |                      |         |
| 218 | Lỗi lọc                | Bộ  |                      |         |
| 219 | Lục giác               | Bộ  |                      |         |
| 220 | Lưới cửa cây TOP       | Cái |                      |         |
| 221 | Luppe                  | Cái |                      |         |
| 222 | Máng đôi 1m2 Nanoco    | Cái |                      |         |
| 223 | Máng đơn 1m2           | Cái |                      |         |
| 224 | Mặt che tròn (mặt bít) | Cái |                      |         |
| 225 | Mặt nạ 1 lỗ            | Cái |                      |         |
| 226 | Mặt nạ 3 lỗ            | Cái |                      |         |
| 227 | Mặt nạ 4 lỗ            | Cái |                      |         |
| 228 | Mặt nạ 5 lỗ            | Cái |                      |         |
| 229 | Micro + dây            | Bộ  |                      |         |
| 230 | Micro có dây Zenbos    | Bộ  |                      |         |
| 231 | Micro không dây        | Cái |                      |         |
| 232 | Móc inox 27            | Cái |                      |         |
| 233 | Móc inox 42            | Cái |                      |         |
| 234 | Motor quạt             | Cái |                      |         |
| 235 | Motor quạt nhỏ         | Cái |                      |         |
| 236 | Mũi khoang đa năng 10L | Cái |                      |         |
| 237 | Mũi khoang đa năng 6L  | Cái |                      |         |
| 238 | Mũi khoang đa năng 8L  | Cái |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                         | ĐVT | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------|-----|----------------------|---------|
| 239 | Mũi khoan sắt 4L                     | Cái |                      |         |
| 240 | Nẹp 2p                               | Cây |                      |         |
| 241 | Nẹp 2p5                              | Cây |                      |         |
| 242 | Nẹp 3p                               | Cây |                      |         |
| 243 | Nẹp 4p                               | Cây |                      |         |
| 244 | Nẹp 5p                               | Cây |                      |         |
| 245 | Nẹp bán nguyệt 3 phân                | Cây |                      |         |
| 246 | Nẹp bán nguyệt 4P                    | Cây |                      |         |
| 247 | Nối 25 PPR                           | Cái |                      |         |
| 248 | Nối giảm 32x25mm PPR                 | Cái |                      |         |
| 249 | Nối lọc nước                         | Cái |                      |         |
| 250 | Nối PVC-U dn 90                      | Cái |                      |         |
| 251 | Nối Răng 25                          | Cái |                      |         |
| 252 | Nối ren ngoài PVC-U dn 21 x 1/2 PN15 | Cái |                      |         |
| 253 | Nối RT 21x25                         | Cái |                      |         |
| 254 | Nút nhấn bàn cầu                     | Cái |                      |         |
| 255 | Nút nhấn xả bồn tiểu nam             | Cái |                      |         |
| 256 | Ổ 3-2 châu Vanlock                   | Cái |                      |         |
| 257 | Ổ cắm ba 2 châu                      | Cái |                      |         |
| 258 | Ổ cắm điện có dây (3m)               | Cái |                      |         |
| 259 | Ổ cắm điện có dây (5m)               | Cái |                      |         |
| 260 | Ổ cắm đôi 2 châu                     | Cái |                      |         |
| 261 | Ổ cắm đôi 3 châu                     | Cái |                      |         |
| 262 | Ổ cắm đơn 2 châu                     | Cái |                      |         |
| 263 | Ổ cắm đơn 3 châu                     | Cái |                      |         |
| 264 | Ổ khoá chống cắt                     | Cái |                      |         |
| 265 | Ổ khoá lớn                           | Cái |                      |         |
| 266 | Ổ khoá trung                         | Cái |                      |         |
| 267 | Ống 21 1.3mm                         | M   |                      |         |
| 268 | Ống 21 1.7 mm                        | m   |                      |         |



| STT | TÊN HÀNG HOÁ                    | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------|------|----------------------|---------|
| 269 | Ống 25 PPR-BM nóng 4.2mm        | m    |                      |         |
| 270 | Ống 27 1.9 mm                   | m    |                      |         |
| 271 | Ống 34 1.9 mm                   | m    |                      |         |
| 272 | Ống 42 1.9 mm                   | m    |                      |         |
| 273 | Ống 60 1.8 mm                   | M    |                      |         |
| 274 | Ống 90 2.6 mm                   | m    |                      |         |
| 275 | Ống cứng vuông 2 phân           | Cây  |                      |         |
| 276 | Ống cứng vuông 3 phân           | Cây  |                      |         |
| 277 | Ống cứng vuông 4 phân           | Cây  |                      |         |
| 278 | Ống luồn dây điện               | Cây  |                      |         |
| 279 | Ống PP-R 32 BM                  | m    |                      |         |
| 280 | Ống Xả Máy Giặt                 | Cái  |                      |         |
| 281 | Pát Khoá loại 1                 | Cái  |                      |         |
| 282 | Pát Khoá thường                 | Cái  |                      |         |
| 283 | Pat L                           | Cái  |                      |         |
| 284 | Pat L 20cm                      | Cái  |                      |         |
| 285 | Pat L 50cm                      | Cái  |                      |         |
| 286 | Pat lapô                        | Cái  |                      |         |
| 287 | Pat Quạt                        | Cái  |                      |         |
| 288 | Pat vuông                       | Cặp  |                      |         |
| 289 | Phao bồn cầu tay gạt            | Bộ   |                      |         |
| 290 | Phao cơ 27 onpas                | Cái  |                      |         |
| 291 | Phao cơ răng 3/4                | Cái  |                      |         |
| 292 | Phao điện chiutong              | Cái  |                      |         |
| 293 | Phễu sàn inox 304 1.5 tắc lỗ 60 | Cái  |                      |         |
| 294 | Phễu sàn inox 304 1.5 tắc lỗ 90 | Cái  |                      |         |
| 295 | Phích cái                       | Cái  |                      |         |
| 296 | Phích cắm tròn                  | Cái  |                      |         |
| 297 | Quần máy bơm                    | Cái  |                      |         |
| 298 | Ruột gà 20 (SP)                 | Cuộn |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                  | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------|------|----------------------|---------|
| 299 | Ruột gà 25 (SP)               | Cuộn |                      |         |
| 300 | Ruột gà 30 (SP)               | Cuộn |                      |         |
| 301 | Ruột gà thoát nước dài        | Cái  |                      |         |
| 302 | Sơn (các loại màu)            | Kg   |                      |         |
| 303 | Sửa motor                     | Cái  |                      |         |
| 304 | Súng bắn keo                  | Cây  |                      |         |
| 305 | T 25 PPR                      | Cái  |                      |         |
| 306 | Tắc kê 3F                     | Gói  |                      |         |
| 307 | Tắc kê 3p                     | Bịch |                      |         |
| 308 | Tắc kê 4p                     | Bịch |                      |         |
| 309 | Tắc kê 5p                     | Bịch |                      |         |
| 310 | Tắc kê sắt 10li               | Con  |                      |         |
| 311 | Tay sen L1                    | Bộ   |                      |         |
| 312 | Tay sen L3                    | Cái  |                      |         |
| 313 | Tay sen L5                    | Cái  |                      |         |
| 314 | TC - Bít RN 21 mm             | Cái  |                      |         |
| 315 | Tê cầu khoá loại 1            | Cái  |                      |         |
| 316 | Tê cầu onpas                  | Cái  |                      |         |
| 317 | Tê PP-R 32 BM                 | Cái  |                      |         |
| 318 | Thay 2 đầu bơm                | Cái  |                      |         |
| 319 | Thay bạc đạn, làm cốt quạt    | Cái  |                      |         |
| 320 | Tụ điện K3                    | Cái  |                      |         |
| 321 | Tua vít thử điện (3x140mm)    | Cái  |                      |         |
| 322 | Tua vít TOP                   | Cây  |                      |         |
| 323 | Tua vít Total                 | Cây  |                      |         |
| 324 | Van 27 Bình Minh Việt         | Cái  |                      |         |
| 325 | Van cầu PVC-U dn 21 PN12 (BM) | Cái  |                      |         |
| 326 | Van xoay 25 BM                | Cái  |                      |         |
| 327 | Vít 3 phân                    | Gram |                      |         |
| 328 | Vít 6 phân                    | Gram |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ           | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|------------------------|------|----------------------|---------|
| 329 | Vít bắn sắt đầu dù     | Gram |                      |         |
| 330 | Vít bắn sắt đầu dù 1p5 | Gram |                      |         |
| 331 | Vít bắn sắt đầu dù 3p  | Gram |                      |         |
| 332 | Vít san 2p5            | Cái  |                      |         |
| 333 | Vít thử điện Total     | Cái  |                      |         |
| 334 | Vòi chén L507          | Cái  |                      |         |
| 335 | Vòi chén L509          | Cái  |                      |         |
| 336 | Vòi hồ 304 lux         | Cái  |                      |         |
| 337 | Vòi hồ L802            | Cái  |                      |         |
| 338 | Vòi hồ thau            | Cái  |                      |         |
| 339 | Vòi labo lạnh          | Cái  |                      |         |
| 340 | Vòi xịt vệ sinh L14    | Bộ   |                      |         |
| 341 | Vòi xịt vệ sinh L16 âm | Cái  |                      |         |
| 342 | Xả bồn cầu phao đứng   | Bộ   |                      |         |
| 343 | Xả ruột gà trắngCH     | Cái  |                      |         |
| 344 | Xả ruột gà xám L1      | Cái  |                      |         |



TRUNG TÂM Y TẾ  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
**PHÒNG TCHC**

Số: 194/TTr - TCHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thuận An, ngày 10 tháng 06 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**V/v xin chủ trương ký hợp đồng mua sắm vật tư sửa chữa điện – nước năm 2025  
của Trung tâm Y tế thành phố Thuận An.**

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Thuận An.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Phòng TCHC;

Căn cứ vào nhu cầu sửa chữa thay thế vật tư điện – nước của các Khoa/Phòng Bệnh và các khối trực thuộc quản lý của TTYT TP Thuận An.

Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh và duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị;

Để đảm bảo công tác sửa chữa khoa/phòng của Trung tâm Y tế thành phố Thuận An, căn cứ nhu cầu thay mới vật tư của các khoa/phòng, Phòng TCHC đề xuất Giám đốc Trung tâm Y tế thành phố Thuận An phê duyệt chủ trương ký hợp đồng cung cấp vật tư (theo bảng phụ lục đính kèm).

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng TCKT;
- Lưu: TCHC.

**TRƯỞNG PHÒNG**



*Lê Thanh Hải*

**DUYỆT BAN GIÁM ĐỐC**



*Phan Quang Toàn*







(Phụ lục kèm theo tờ trình số: 194/TTr-TCHC, ngày 10 tháng 06 năm 2025)

| STT | TÊN HÀNG HOÁ             | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------|------|----------------------|---------|
| 1   | Bạc đạn máy bơm nước     | Cái  |                      |         |
| 2   | Bàn cầu 2 khối           | Bộ   |                      |         |
| 3   | Bản lề cửa nhôm          | Cặp  |                      |         |
| 4   | Băng keo 2 mặt 2 phân    | cuộn |                      |         |
| 5   | Băng keo 2 mặt 3 phân    | cuộn |                      |         |
| 6   | Băng keo 2 mặt TH        | Cuộn |                      |         |
| 7   | Băng keo 20 yard màu đen | cuộn |                      |         |
| 8   | Băng keo chống thấm      | Cuộn |                      |         |
| 9   | Băng keo đen             | cuộn |                      |         |
| 10  | Băng keo giấy            | cuộn |                      |         |
| 11  | Bánh xe lửa cửa sổ       | Cái  |                      |         |
| 12  | Bay hồ                   | Cái  |                      |         |
| 13  | Bít RN 21                | Cái  |                      |         |
| 14  | BÍT RT 34                | Cái  |                      |         |
| 15  | Bít RT 37                | Cái  |                      |         |
| 16  | BM - Co 21 mm            | Cái  |                      |         |
| 17  | BM - Co 27 mm            | Cái  |                      |         |
| 18  | BM - Co 34mm             | Cái  |                      |         |
| 19  | BM - Co 42mm             | Cái  |                      |         |
| 20  | BM - Co 60 mm            | Cái  |                      |         |
| 21  | BM - Co 90 mm            | Cái  |                      |         |
| 22  | BM - Lõi 90 mm           | Cái  |                      |         |
| 23  | BM - Nối 21 mm           | Cái  |                      |         |
| 24  | BM - Nối 27 mm           | Cái  |                      |         |
| 25  | BM - Nối 34 mm           | Cái  |                      |         |
| 26  | BM - Nối 42 mm           | Cái  |                      |         |
| 27  | BM - Nối 90 mm           | Cái  |                      |         |
| 28  | BM - Nối giảm 27/21 mm   | Cái  |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                   | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------|------|----------------------|---------|
| 29  | BM - Nối giảm 42/27 mm         | Cái  |                      |         |
| 30  | BM - Nối giảm 42/34 mm         | Cái  |                      |         |
| 31  | BM - Nối răng ngoài 21 mm      | Cái  |                      |         |
| 32  | BM - Nối răng ngoài 27 mm      | Cái  |                      |         |
| 33  | BM - Nối răng ngoài 34mm       | Cái  |                      |         |
| 34  | BM - Nối răng ngoài 42 mm      | Cái  |                      |         |
| 35  | BM - Nối răng trong 21 mm      | Cái  |                      |         |
| 36  | BM - Nối răng trong 27 mm      | Cái  |                      |         |
| 37  | BM - Nối RN 21                 | Cái  |                      |         |
| 38  | BM - Nối RN 21 ống 27 mm       | Cái  |                      |         |
| 39  | BM - Nối RT 21x25              | Cái  |                      |         |
| 40  | BM - Ống 25 PPR                | M    |                      |         |
| 41  | BM - Ống 34 1.9mm              | Cây  |                      |         |
| 42  | BM - Ống 42 1.9mm              | Cây  |                      |         |
| 43  | BM - T 21 mm                   | Cái  |                      |         |
| 44  | BM - T 27 mm                   | Cái  |                      |         |
| 45  | BM - T 27 mm                   | Cái  |                      |         |
| 46  | BM - T 34 mm                   | Cái  |                      |         |
| 47  | BM - T 42 mm                   | Cái  |                      |         |
| 48  | BM - T 90 mm                   | Cái  |                      |         |
| 49  | BM - Van 21 mm                 | Cái  |                      |         |
| 50  | BM - Van 27 mm                 | Cái  |                      |         |
| 51  | BM - Van 34 mm                 | Cái  |                      |         |
| 52  | BM - Van 42 mm                 | Cái  |                      |         |
| 53  | BM Keo dán 500g                | Lon  |                      |         |
| 54  | BM Keo dán ống 100gr           | Tuýp |                      |         |
| 55  | BM Ống PPR 32x2.9mm            | m    |                      |         |
| 56  | BM PPR Việt Nam T 32           | Cái  |                      |         |
| 57  | Bộ lọc nước Karofi Slim S-S038 | Bộ   |                      |         |



| STT | TÊN HÀNG HOÁ                        | ĐVT | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------------|-----|----------------------|---------|
| 58  | Bộ lõi lọc Kawashi                  | Bộ  |                      |         |
| 59  | Bộ tay nắm cửa sắt                  | Bộ  |                      |         |
| 60  | Bộ tay nắm cửa TOP                  | Bộ  |                      |         |
| 61  | Bộ tay nắm cửa tròn                 | Bộ  |                      |         |
| 62  | Bộ xả bồn cầu hai nút nhấn          | Bộ  |                      |         |
| 63  | Bộ xả vòi tiêu nam                  | Bộ  |                      |         |
| 64  | Bồn lavabo inox                     | Cái |                      |         |
| 65  | Bồn lavabo sứ                       | Cái |                      |         |
| 66  | Bóng Tube Led T8 1.2m 22W           | Cái |                      |         |
| 67  | Bóng 6 tắc                          | Cái |                      |         |
| 68  | Bóng 6 tắc thuỷ tinh                | Cái |                      |         |
| 69  | Bóng bulb trụ LED 12w               | Cái |                      |         |
| 70  | Bóng bulb trụ LED E27 120 40W trắng | Cái |                      |         |
| 71  | Bóng bulb trụ LED Nano 12w          | Cái |                      |         |
| 72  | Bóng bulb trụ LED Nano 20w          | Cái |                      |         |
| 73  | Bóng bulb trụ LED Nano 30w          | Cái |                      |         |
| 74  | Bóng bulb trụ LED Nano 40w          | Cái |                      |         |
| 75  | Bóng bulb trụ LED Nano 50w          | Cái |                      |         |
| 76  | Bóng bulb trụ LED Nano 60w          | Cái |                      |         |
| 77  | Bóng bulb trụ LED Nano 90w          | Cái |                      |         |
| 78  | Bóng đèn huỳnh quang T8 1m2         | Cái |                      |         |
| 79  | Bóng LED nhôm nhựa 6 tắc            | Cái |                      |         |
| 80  | Bóng LED T8 600/10W                 | Cái |                      |         |
| 81  | Bóng Led T8 1.2m 20W                | Cái |                      |         |
| 82  | Bóng Led thuỷ tinh bọc nhựa 0.6m    | Cái |                      |         |
| 83  | Bóng thuỷ tinh 0m6                  | Cái |                      |         |
| 84  | Bóng tube t8 LED 1.2m 36w trắng     | Cái |                      |         |
| 85  | Bóng tube t8 LED 1.2m 42w trắng     | Cái |                      |         |
| 86  | Búa 1kg                             | Cây |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ             | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------|------|----------------------|---------|
| 87  | Búa 500g                 | Cây  |                      |         |
| 88  | Búa Total                | Cây  |                      |         |
| 89  | Bút thử điện Total       | Cây  |                      |         |
| 90  | Cần gạt cầu inox         | Cái  |                      |         |
| 91  | Cánh quạt B4             | Cái  |                      |         |
| 92  | Cáp bọc 2x2.5 TCL        | M    |                      |         |
| 93  | Cáp khoá                 | Sợi  |                      |         |
| 94  | Cặp Pat cửa nhôm         | Cặp  |                      |         |
| 95  | CB 2 cực 20A             | Cái  |                      |         |
| 96  | CB 2 cực 32A             | Cái  |                      |         |
| 97  | CB 2 cực 40A             | Cái  |                      |         |
| 98  | CB 2 cực 63A             | Cái  |                      |         |
| 99  | CB 200A                  | Cái  |                      |         |
| 100 | CB 3 cực 50A             | Cái  |                      |         |
| 101 | CB 3P 63A                | Cái  |                      |         |
| 102 | CB cóc 30A               | Cái  |                      |         |
| 103 | CB cóc 40A               | Cái  |                      |         |
| 104 | CB cóc đen 20A           | Cái  |                      |         |
| 105 | CB cóc đen 30A           | Cái  |                      |         |
| 106 | CB cóc đen 40A           | Cái  |                      |         |
| 107 | Chai xịt tẩy rửa đa năng | Chai |                      |         |
| 108 | Chìa khoá ổ              | Cái  |                      |         |
| 109 | Chống ròt pha LS         | Bộ   |                      |         |
| 110 | Chốt khoá Inox 1T        | Cái  |                      |         |
| 111 | Co PVC-U dn 60 PN6 (BM)  | Cái  |                      |         |
| 112 | Co 21 mm - Dày           | Cái  |                      |         |
| 113 | Co 25 PPR-BM             | Cái  |                      |         |
| 114 | Cọ lăn                   | Cây  |                      |         |
| 115 | Co PVC-U dn 60 PN6 (BM)  | Cái  |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                     | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------|------|----------------------|---------|
| 116 | Co PVC-U dn 90 (I) PN6 (BM)      | Cái  |                      |         |
| 117 | Co RN 25x1/2 PPR                 | Cái  |                      |         |
| 118 | Co RN thau                       | Cái  |                      |         |
| 119 | Co RT 25/21 PPR-BM               | Cái  |                      |         |
| 120 | Cọ sơn                           | Cây  |                      |         |
| 121 | Cóc siết cáp 150                 | Cái  |                      |         |
| 122 | Công cắt đục                     | công |                      |         |
| 123 | Công lắp đặt máy lọc nước        | công |                      |         |
| 124 | Công leo trụ                     | Công |                      |         |
| 125 | Công tắc hành trình              | Cái  |                      |         |
| 126 | Công tắc treo                    | Cái  |                      |         |
| 127 | Củ sen lạnh L702                 | Cái  |                      |         |
| 128 | Củ sen lạnh L702                 | Cái  |                      |         |
| 129 | Cùm treo 90 mm                   | Cái  |                      |         |
| 130 | Dao rọc giấy                     | Cái  |                      |         |
| 131 | Dau bake ngan kingtony           | Cái  |                      |         |
| 132 | Đầu bắn tole 8x45mm (071120-8mm) | Cái  |                      |         |
| 133 | Đầu cos                          | Cái  |                      |         |
| 134 | Dầu nhớt sữa chữa                | Chai |                      |         |
| 135 | Đầu nối cos                      | Cái  |                      |         |
| 136 | Dây bố 1.5m                      | Sợi  |                      |         |
| 137 | Dây cáp đồng đơn 150mm           | M    |                      |         |
| 138 | Dây cáp inox 10 tactic           | Sợi  |                      |         |
| 139 | Dây cáp inox 4 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 140 | Dây cáp inox 6 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 141 | Dây cáp nhựa 10m                 | Sợi  |                      |         |
| 142 | Dây cáp nhựa 1m                  | Sợi  |                      |         |
| 143 | Dây cáp nhựa 4 tactic            | Sợi  |                      |         |
| 144 | Dây cáp nhựa 5 tactic            | Sợi  |                      |         |



| STT | TÊN HÀNG HOÁ                           | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------------|------|----------------------|---------|
| 145 | Dây cáp nhựa 6 tấc                     | Sợi  |                      |         |
| 146 | Dây điện 1.5 (đôi)                     | M    |                      |         |
| 147 | Dây điện 1.5 (đơn)                     | M    |                      |         |
| 148 | Dây điện 2.5 (đôi)                     | M    |                      |         |
| 149 | Dây điện 2.5 (đơn)                     | M    |                      |         |
| 150 | Dây điện 3 (đôi)                       | M    |                      |         |
| 151 | Dây điện 3 (đơn)                       | M    |                      |         |
| 152 | Dây điện 6                             | M    |                      |         |
| 153 | Dây điện 8                             | M    |                      |         |
| 154 | Dây micro                              | Cái  |                      |         |
| 155 | Dây rút 1,5 tấc trắng                  | Bịch |                      |         |
| 156 | Dây rút 2 tấc                          | Bịch |                      |         |
| 157 | Dây rút 2,5 tấc trắng                  | Bịch |                      |         |
| 158 | Dây rút 3 tấc                          | Bịch |                      |         |
| 159 | Dây rút 3 tấc trắng                    | Bịch |                      |         |
| 160 | Dây thông tắc cống                     | Sợi  |                      |         |
| 161 | Dây thun buộc ống                      | Sợi  |                      |         |
| 162 | Đế đỡ micro                            | Cái  |                      |         |
| 163 | Đế nổi cao Sino                        | Cái  |                      |         |
| 164 | Đèn LED âm trần vuông 12w              | Cái  |                      |         |
| 165 | Đinh                                   | Gram |                      |         |
| 166 | Đinh chỉ                               | Gram |                      |         |
| 167 | Đinh rive                              | Gram |                      |         |
| 168 | Đinh thép trắng 3P                     | Hộp  |                      |         |
| 169 | Đinh thép vàng                         | Cái  |                      |         |
| 170 | Đinh thép vàng 1p6+2p3                 | Gram |                      |         |
| 171 | Đồng hồ Ampe kìm                       | Cái  |                      |         |
| 172 | Đồng hồ điện tử Cinomax mặt số điện tử | Cái  |                      |         |
| 173 | Đồng hồ nước RN 21                     | Cái  |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ           | ĐVT    | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|------------------------|--------|----------------------|---------|
| 174 | Đóng somi nắp mô tơ    | Cái    |                      |         |
| 175 | Đuôi Xoáy              | Cái    |                      |         |
| 176 | Eke 3T                 | Cặp    |                      |         |
| 177 | Eke 4T thường          | Cặp    |                      |         |
| 178 | Eke 5T thường          | Cặp    |                      |         |
| 179 | Gương soi              | Cái    | 450*600 mm           |         |
| 180 | Gương soi              | Cái    | 500*700 mm           |         |
| 181 | Hạt công tắc 1 chiều   | Cái    |                      |         |
| 182 | Hạt công tắc 2 chiều   | Cái    |                      |         |
| 183 | Hạt dimmer quạt        | Cái    |                      |         |
| 184 | Hộp CB 2 Tép           | Cái    |                      |         |
| 185 | Hộp vít L bắn tắc kê 8 | Hộp    |                      |         |
| 186 | Jack amply             | Cái    |                      |         |
| 187 | Jack cắm đực,cái       | Cặp    |                      |         |
| 188 | Kapa máy bơm nước      | Cái    |                      |         |
| 189 | Ke vuông góc           | Cái    |                      |         |
| 190 | Kẽm nhĩn               | Khoanh |                      |         |
| 191 | Keo 2 mặt              | Cuòn   |                      |         |
| 192 | Keo 502                | Chai   |                      |         |
| 193 | Kéo cắt cành           | Cái    |                      |         |
| 194 | Keo chà ron            | Bịch   |                      |         |
| 195 | Keo chống thấm         | kg     |                      |         |
| 196 | Keo lùa                | Cuòn   |                      |         |
| 197 | Keo silicon            | Chai   |                      |         |
| 198 | Kẹp 20 Tiến phát       | Cái    |                      |         |
| 199 | Kẹp 25 Tiến phát       | Cái    |                      |         |
| 200 | Kẹp móc 21             | Bịch   |                      |         |
| 201 | Kẹp móc 27             | Bịch   |                      |         |
| 202 | Kẹp ống 27             | Cái    |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                     | ĐVT | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|----------------------------------|-----|----------------------|---------|
| 203 | Két nước Viglacera TNVL66        | Cái |                      |         |
| 204 | Khoá lồng nhôm quạt              | Cái |                      |         |
| 205 | Khoá tròn                        | Cái |                      |         |
| 206 | Khoá tròn Zami                   | Cái |                      |         |
| 207 | Khuếch đại chuông điện thoại bàn | Cái |                      |         |
| 208 | Kiểm bấm Rive                    | Cái |                      |         |
| 209 | Kiểm cắt ống TOTAL               | Cây |                      |         |
| 210 | Kiểm nhọn Total                  | Cây |                      |         |
| 211 | Kiểm Răng Total                  | Cây |                      |         |
| 212 | Kìm bằng                         | Cây |                      |         |
| 213 | Kìm cắt ống                      | Cây |                      |         |
| 214 | Kìm cắt Total                    | Cây |                      |         |
| 215 | Kìm mỏ quạ                       | Cây |                      |         |
| 216 | Lavabo inox                      | Bộ  |                      |         |
| 217 | Lavabo sứ                        | Bộ  |                      |         |
| 218 | Lỗi lọc                          | Bộ  |                      |         |
| 219 | Lục giác                         | Bộ  |                      |         |
| 220 | Lưỡi cửa cây TOP                 | Cái |                      |         |
| 221 | Luppe                            | Cái |                      |         |
| 222 | Máng đôi 1m2 Nanoco              | Cái |                      |         |
| 223 | Máng đơn 1m2                     | Cái |                      |         |
| 224 | Mặt che tron (mặt bít)           | Cái |                      |         |
| 225 | Mặt nạ 1 lỗ                      | Cái |                      |         |
| 226 | Mặt nạ 3 lỗ                      | Cái |                      |         |
| 227 | Mặt nạ 4 lỗ                      | Cái |                      |         |
| 228 | Mặt nạ 5 lỗ                      | Cái |                      |         |
| 229 | Micro + dây                      | Bộ  |                      |         |
| 230 | Micro có dây Zenbos              | Bộ  |                      |         |
| 231 | Micro không dây                  | Cái |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                         | ĐVT | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------------------|-----|----------------------|---------|
| 232 | Móc inox 27                          | Cái |                      |         |
| 233 | Móc inox 42                          | Cái |                      |         |
| 234 | Motor quạt                           | Cái |                      |         |
| 235 | Motor quạt nhỏ                       | Cái |                      |         |
| 236 | Mũi khoan đa năng 10L                | Cái |                      |         |
| 237 | Mũi khoan đa năng 6L                 | Cái |                      |         |
| 238 | Mũi khoan đa năng 8L                 | Cái |                      |         |
| 239 | Mũi khoan sắt 4L                     | Cái |                      |         |
| 240 | Nẹp 2p                               | Cây |                      |         |
| 241 | Nẹp 2p5                              | Cây |                      |         |
| 242 | Nẹp 3p                               | Cây |                      |         |
| 243 | Nẹp 4p                               | Cây |                      |         |
| 244 | Nẹp 5p                               | Cây |                      |         |
| 245 | Nẹp bán nguyệt 3 phân                | Cây |                      |         |
| 246 | Nẹp bán nguyệt 4P                    | Cây |                      |         |
| 247 | Nối 25 PPR                           | Cái |                      |         |
| 248 | Nối giảm 32x25mm PPR                 | Cái |                      |         |
| 249 | Nối lọc nước                         | Cái |                      |         |
| 250 | Nối PVC-U dn 90                      | Cái |                      |         |
| 251 | Nối Răng 25                          | Cái |                      |         |
| 252 | Nối ren ngoài PVC-U dn 21 x 1/2 PN15 | Cái |                      |         |
| 253 | Nối RT 21x25                         | Cái |                      |         |
| 254 | Nút nhấn bàn cầu                     | Cái |                      |         |
| 255 | Nút nhấn xả bồn tiểu nam             | Cái |                      |         |
| 256 | Ổ 3-2 chấu Vanlock                   | Cái |                      |         |
| 257 | Ổ cắm ba 2 chấu                      | Cái |                      |         |
| 258 | Ổ cắm điện có dây (3m)               | Cái |                      |         |
| 259 | Ổ cắm điện có dây (5m)               | Cái |                      |         |
| 260 | Ổ cắm đôi 2 chấu                     | Cái |                      |         |



| STT | TÊN HÀNG HOÁ             | ĐVT | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|--------------------------|-----|----------------------|---------|
| 261 | Ổ cắm đôi 3 chấu         | Cái |                      |         |
| 262 | Ổ cắm đơn 2 chấu         | Cái |                      |         |
| 263 | Ổ cắm đơn 3 chấu         | Cái |                      |         |
| 264 | Ổ khoá chống cắt         | Cái |                      |         |
| 265 | Ổ khoá lớn               | Cái |                      |         |
| 266 | Ổ khoá trung             | Cái |                      |         |
| 267 | Ống 21 1.3mm             | M   |                      |         |
| 268 | Ống 21 1.7 mm            | m   |                      |         |
| 269 | Ống 25 PPR-BM nóng 4.2mm | m   |                      |         |
| 270 | Ống 27 1.9 mm            | m   |                      |         |
| 271 | Ống 34 1.9 mm            | m   |                      |         |
| 272 | Ống 42 1.9 mm            | m   |                      |         |
| 273 | Ống 60 1.8 mm            | M   |                      |         |
| 274 | Ống 90 2.6 mm            | m   |                      |         |
| 275 | Ống cứng vuông 2 phân    | Cây |                      |         |
| 276 | Ống cứng vuông 3 phân    | Cây |                      |         |
| 277 | Ống cứng vuông 4 phân    | Cây |                      |         |
| 278 | Ống luồn dây điện        | Cây |                      |         |
| 279 | Ống PP-R 32 BM           | m   |                      |         |
| 280 | Ống Xả Máy Giặt          | Cái |                      |         |
| 281 | Pát Khoá loại 1          | Cái |                      |         |
| 282 | Pát Khoá thường          | Cái |                      |         |
| 283 | Pat L                    | Cái |                      |         |
| 284 | Pat L 20cm               | Cái |                      |         |
| 285 | Pat L 50cm               | Cái |                      |         |
| 286 | Pat lapô                 | Cái |                      |         |
| 287 | Pat Quạt                 | Cái |                      |         |
| 288 | Pat vuông                | Cặp |                      |         |
| 289 | Phao bồn cầu tay gạt     | Bộ  |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                    | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------|------|----------------------|---------|
| 290 | Phao cơ 27 onpas                | Cái  |                      |         |
| 291 | Phao cơ răng 3/4                | Cái  |                      |         |
| 292 | Phao điện chiutong              | Cái  |                      |         |
| 293 | Phễu sàn inox 304 1.5 tắc lỗ 60 | Cái  |                      |         |
| 294 | Phễu sàn inox 304 1.5 tắc lỗ 90 | Cái  |                      |         |
| 295 | Phích cái                       | Cái  |                      |         |
| 296 | Phích cắm tròn                  | Cái  |                      |         |
| 297 | Quần máy bơm                    | Cái  |                      |         |
| 298 | Ruột gà 20 (SP)                 | Cuộn |                      |         |
| 299 | Ruột gà 25 (SP)                 | Cuộn |                      |         |
| 300 | Ruột gà 30 (SP)                 | Cuộn |                      |         |
| 301 | Ruột gà thoát nước dài          | Cái  |                      |         |
| 302 | Sơn (các loại màu)              | Kg   |                      |         |
| 303 | Sửa motor                       | Cái  |                      |         |
| 304 | Súng bắn keo                    | Cây  |                      |         |
| 305 | T 25 PPR                        | Cái  |                      |         |
| 306 | Tắc kê 3F                       | Gói  |                      |         |
| 307 | Tắc kê 3p                       | Bịch |                      |         |
| 308 | Tắc kê 4p                       | Bịch |                      |         |
| 309 | Tắc kê 5p                       | Bịch |                      |         |
| 310 | Tắc kê sắt 10li                 | Con  |                      |         |
| 311 | Tay sen L1                      | Bộ   |                      |         |
| 312 | Tay sen L3                      | Cái  |                      |         |
| 313 | Tay sen L5                      | Cái  |                      |         |
| 314 | TC - Bít RN 21 mm               | Cái  |                      |         |
| 315 | Tê cầu khoá loại 1              | Cái  |                      |         |
| 316 | Tê cầu onpas                    | Cái  |                      |         |
| 317 | Tê PP-R 32 BM                   | Cái  |                      |         |
| 318 | Thay 2 đầu bơm                  | Cái  |                      |         |

| STT | TÊN HÀNG HOÁ                  | ĐVT  | QUY CÁCH<br>(nếu có) | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------|------|----------------------|---------|
| 319 | Thay bạc đạn, làm cốt quạt    | Cái  |                      |         |
| 320 | Tụ điện K3                    | Cái  |                      |         |
| 321 | Tua vít thử điện (3x140mm)    | Cái  |                      |         |
| 322 | Tua vít TOP                   | Cây  |                      |         |
| 323 | Tua vít Total                 | Cây  |                      |         |
| 324 | Van 27 Bình Minh Việt         | Cái  |                      |         |
| 325 | Van cầu PVC-U dn 21 PN12 (BM) | Cái  |                      |         |
| 326 | Van xoay 25 BM                | Cái  |                      |         |
| 327 | Vít 3 phân                    | Gram |                      |         |
| 328 | Vít 6 phân                    | Gram |                      |         |
| 329 | Vít bắn sắt đầu dù            | Gram |                      |         |
| 330 | Vít bắn sắt đầu dù 1p5        | Gram |                      |         |
| 331 | Vít bắn sắt đầu dù 3p         | Gram |                      |         |
| 332 | Vít san 2p5                   | Cái  |                      |         |
| 333 | Vít thử điện Total            | Cái  |                      |         |
| 334 | Vòi chén L507                 | Cái  |                      |         |
| 335 | Vòi chén L509                 | Cái  |                      |         |
| 336 | Vòi hồ 304 lux                | Cái  |                      |         |
| 337 | Vòi hồ L802                   | Cái  |                      |         |
| 338 | Vòi hồ thau                   | Cái  |                      |         |
| 339 | Vòi labo lạnh                 | Cái  |                      |         |
| 340 | Vòi xịt vệ sinh L14           | Bộ   |                      |         |
| 341 | Vòi xịt vệ sinh L16 âm        | Cái  |                      |         |
| 342 | Xả bồn cầu phao đứng          | Bộ   |                      |         |
| 343 | Xả ruột gà trắngCH            | Cái  |                      |         |
| 344 | Xả ruột gà xám L1             | Cái  |                      |         |